

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 17/3/2025

V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Duy Luân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Len

2. Bà Bùi Thị Hà

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Huế - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Thanh Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2025 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXX-ST ngày 25/02/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị V, sinh năm 1984

HKTT: Số nhà B, ngõ E, tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Địa chỉ hiện nay: Đài Loan.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1983

Địa chỉ: Số nhà B, ngõ E, tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Chị V, anh S đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai cùng các tài liệu chứng cứ đã xuất trình nguyên đơn là chị Phạm Thị V trình bày và có yêu cầu khởi kiện như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn S tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Thái B vào ngày 19/3/2013. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về kinh tế và nuôi dạy con cái. Tháng 2/2019, vợ chồng đã thoả thuận xong việc ly

hôn nhưng không thống nhất được về con chung nên chị chưa nộp đơn. Quá trình mâu thuẫn kéo dài đến tháng 7/2019 chị đi lao động tại Đài Loan, vợ chồng ít liên lạc với nhau, mỗi lần gọi điện về chị chủ yếu liên lạc với con, vợ chồng ít hỏi han quan tâm nhau nên mâu thuẫn càng trầm trọng. Đến nay, chị thấy quan hệ vợ chồng không thể hàn gắn, tình cảm không còn nên đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh S.

Về con chung: Chị và anh S có 02 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 11/10/2013 và Nguyễn Sơn T1, sinh ngày 25/05/2015 hiện đều đang ở với bố và bà nội. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Văn T, anh S trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Sơn T1, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Tuy nhiên do hiện nay chị đang ở nước ngoài không có điều kiện trực tiếp chăm sóc con, nên chị gửi cháu cho bà nội là bà Đặng Thị T2 nuôi cháu T giúp chị.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

- *Tại Đơn đề nghị đề ngày 17/3/2025, anh Nguyễn Văn S trình bày:* Anh và chị Phạm Thị V tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình vào ngày 19/3/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng mẹ đẻ anh tại phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Đến năm 2019, chị V đi lao động tại Đài Loan, từ đó chị V càng ít quan tâm đến gia đình, vợ chồng liên lạc thưa dần. Chị V thiếu quan tâm đến con cái, cũng không gửi kinh phí nuôi con, một mình anh phải kiếm tiền nuôi con. Nay chị V xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị V có 02 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 11/10/2013 và Nguyễn Sơn T1, sinh ngày 25/05/2015 hiện đều đang ở với anh. Anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng/con/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản và nợ chung: Anh và chị V không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại Biên bản lấy lời khai ngày 27/11/2024, Bà Đặng Thị T2 – mẹ đẻ anh S trình bày:* Anh Nguyễn Văn S và chị Phạm Thị V tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình vào ngày 19/3/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình bà tại tổ A, phường T đến năm 2019, chị V đi lao động tại Đài Loan. Quá trình chung sống vợ chồng có xô xát nhỏ nhưng theo bà mâu thuẫn không đáng kể. Về con chung: Anh S và chị V có 02 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 11/10/2013 và

Nguyễn Sơn T1, sinh ngày 25/05/2015 hiện đều đang ở với anh S và bà. Anh S có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con chung, yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Nếu chị V gửi con cho bà thì bà cũng đồng ý nuôi giúp nhưng chị V phải cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Anh S và chị V không có tài sản chung, không có nợ chung, không đóng góp gì trong khối tài sản của gia đình bà.

- *Tại Biên bản lấy lời khai ngày 27/11/2024, cháu Nguyễn Văn T và Nguyễn Sơn T1 đều trình bày:* Nếu bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng ở với bố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Phạm Thị V được ly hôn anh Nguyễn Văn S, giao con Nguyễn Văn T, và Nguyễn Sơn T1 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chị V phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị V phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét thấy, bị đơn là anh Nguyễn Văn S có hộ khẩu thường trú tại: Số nhà B, ngõ E, tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Hiện nay chị V đang cư trú tại Đài Loan. Chị V đã có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ tại Phòng C - Công an tỉnh T và Ủy ban nhân dân phường T nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa theo quy định Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị V, anh S tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn về kinh tế, không thông cảm, chia sẻ được với nhau những khó khăn của cuộc sống. Thời điểm này chị V đang ở nước ngoài để làm việc, vợ chồng sống ly thân, cả chị V và anh S đều xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đều nhất trí ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải chấp nhận xử cho chị V được ly hôn anh S là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Anh S và chị V có 02 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 11/10/2013 và Nguyễn Sơn T1, sinh ngày 25/05/2015 hiện đều đang ở với anh S. Chị V có nguyện vọng nuôi con T nhưng không có điều kiện nuôi con mà nhờ mẹ đẻ của anh S nuôi. Hội đồng xét xử xét thấy anh S có công việc ổn định, sống cùng mẹ anh S nên có điều kiện chăm sóc, giáo dục cho các con ổn định. Do đó, cần xử giao cả 02 con chung Nguyễn Văn T và Nguyễn Sơn T1 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh S yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, chị V không trình bày quan điểm về việc cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn. Do các bên không thoả thuận được mức cấp dưỡng nên căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/HĐ - TP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động thì chị V có trách nhiệm cấp dưỡng cho mỗi con chung là 3.000.000 đồng/con/tháng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Chị V, anh S không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị V được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

2. Về quan hệ con chung:

Xử giao con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 11/10/2013 và Nguyễn Sơn T1, sinh ngày 25/05/2015 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chị V phải cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/con/tháng, kể từ tháng 3 năm 2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị V có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị V, anh S có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

3. Về quan hệ tài sản: Không có yêu cầu, không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Đối trừ

số tiền 300.000 đồng chị V đã nộp theo biên lai số 0000291 ngày 10/10/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình, chị V còn phải nộp 300.000 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình
- UBND phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Duy Luân